

Bản án số: 12/2024/LĐ-ST

Ngày: 14-8-2024

V/v “Tranh chấp về hợp đồng lao động”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Thị Phượng;

2- Ông Nguyễn Phú Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Ngọc Triều – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-LĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn V, sinh năm: 1973; nơi cư trú: Tổ G, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở chính: số H, đường số A, khu dân cư C, Phường G, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nhà máy S1: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Dương Quang M, chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: số C, đường Q, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh;

người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Thị B**, chức vụ: Giám đốc (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2024, đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 27/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **ông Trịnh Văn V** trình bày:*

Ông Trịnh Văn V làm việc tại **Công ty TNHH S** từ ngày 22/03/2022, ký hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ-ACTN ngày 01/7/2022 thời hạn là 3 năm, công việc là quản lý sản xuất gỗ ghép, mức lương là 5.000.000 đồng/tháng và các thỏa thuận khác, ông **V** nghỉ việc từ ngày 01-11-2023. Mỗi tháng **Công ty T2** để đóng bảo hiểm là 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Từ ngày 01/07/2022 đến 30/10/2023 **Công ty C** đóng bảo hiểm 3 tháng từ tháng 7 tháng 8, tháng 9 năm 2022 và từ tháng 10/2022 cho đến 30/10/2023 công ty không đóng nhưng vẫn trừ tiền bảo hiểm trong tiền lương hàng tháng. Tổng số tiền nợ đóng bảo hiểm là 6.825.000 (sáu triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng), nên ông **Trịnh Văn V** không được cấp thẻ bảo hiểm y tế, không được hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Nay ông **Trịnh Văn V** yêu cầu **Công ty TNHH S** phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông **Trịnh Văn V** vào quỹ bảo hiểm xã hội của **Bảo hiểm xã hội huyện T**, tỉnh Tây Ninh từ tháng 10/2022 cho đến ngày 30/10/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 5.000.000 đồng/tháng.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – **Công ty TNHH S** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng công ty không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – **Bảo hiểm xã hội huyện T**, tỉnh Tây Ninh trình bày:*

Công ty TNHH S có đăng ký tham gia bảo hiểm cho người lao động là ông **Trịnh Văn V** tại **Bảo hiểm xã hội huyện T**, tỉnh Tây Ninh từ tháng 7/2022 đến tháng 10/2023 theo mức lương tính đóng bảo hiểm là 5.000.000 đồng. Hiện tại, **Công ty S** còn nợ tiền bảo hiểm của người lao động (trong đó có ông **Trịnh Văn V**) làm việc tại nhà máy sản xuất của **công ty N**, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh tính đến tháng 5/2024 là 725.975.564 đồng. Do đó, **Bảo hiểm xã hội huyện T**, tỉnh Tây Ninh yêu cầu **Công ty S** đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm nộp theo quy định để người lao động được hưởng quyền lợi bảo hiểm trong thời gian làm việc tại doanh nghiệp.

** Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự chấp hành

đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Ông **Trịnh Văn V** là nguyên đơn vắng mặt, bà **Trần Thị B** là người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội huyện **T**, tỉnh Tây Ninh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông **Dương Quang M** là người đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH S** là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông **Trịnh Văn V**, bà **Trần Thị B**, ông **Dương Quang M**.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; các Điều 2, 21, 85 và 86 của Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Văn V**. Buộc **Công ty TNHH S** có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông **Trịnh Văn V** từ tháng 10/2022 cho đến 30/10/2023, căn cứ trên mức lương theo hợp đồng lao động là 5.000.000 đồng/tháng. **Công ty S** phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông **Trịnh Văn V** là nguyên đơn vắng mặt, bà **Trần Thị B** là người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội huyện **T**, tỉnh Tây Ninh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông **Dương Quang M** là người đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH S** là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông **Trịnh Văn V**, bà **Trần Thị B**, ông **Dương Quang M** là đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Ông **Trịnh Văn V** làm việc tại **Công ty TNHH S** từ ngày 22/03/2022, ký hợp đồng lao động ngày 01/7/2022 thời hạn là 3 năm, mức lương là 5.000.000 đồng/tháng và các thỏa thuận khác, ông **V** nghỉ việc từ ngày 01-11-2023. Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 02/HĐLD-ACTN ngày 01/7/2022 và Quyết định số 21/QĐ-ACTN ngày 20-12-2023 về việc giải quyết thôi việc giữa ông **V** và **Công ty S** có cơ sở xác định giữa ông **V** và **Công ty S** có quan hệ lao động.

Theo kết quả xác minh của Tòa án đối với người lao động của **Công ty S** và căn cứ vào các Bảng lương tháng 10/2023 và tháng 11/2023 của **Nhà máy Á** do Phó Giám đốc **Cao Minh H** và kế toán **Đinh Thị Kim T** ký, có cơ sở xác định ông **V** có làm việc tại nhà máy sản xuất của **Công ty S** ngụ ấp **H**, xã **H**, huyện **T**, tỉnh **Tây Ninh**.

Đối với bị đơn là **Công ty TNHH S**, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai

chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, Công ty S đã từ bỏ quyền chứng minh của mình.

Theo Hợp đồng lao động số 02/HĐLD-ACTN ngày 01/7/2022 và Quyết định số 21/QĐ-ACTN ngày 20-12-2023 về việc giải quyết thôi việc giữa ông V và Công ty S thì các bên thỏa thuận chế độ bảo hiểm của người lao động theo quy định của Nhà nước ban hành.

Ông V trình bày Công ty S đã trừ tiền bảo hiểm của ông V là 525.000 đồng/tháng (5.000.000 đồng x 10,5%), trừ từ tháng 07/2022 đến tháng 10-2023, công ty S chỉ đóng tiền bảo hiểm cho ông V được 03 tháng. Lời trình bày của ông V phù hợp với thông tin do Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh cung cấp là Công ty S đăng ký tham gia bảo hiểm cho ông V từ tháng 07/2022 đến tháng 10/2023, Công ty S chưa đóng tiền bảo hiểm cho ông V vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2023.

Căn cứ quy định tại Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội, trách nhiệm của người sử dụng lao động là đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hàng tháng phải trích từ lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Như vậy, Công ty S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động để người lao động được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo quy định. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị H1 về tiền bảo hiểm là có cơ sở.

[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V đối với Công ty S. Buộc Công ty S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị H1 vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 5.000.000 đồng/tháng, số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do đó, Công ty S phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng về nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; các Điều 21, 85, 86 và 89 của Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trịnh Văn V** đối với Công ty **TNHH S** về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

1.1. Buộc Công ty **TNHH S** phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông **Trịnh Văn V** vào quỹ bảo hiểm xã hội của **Bảo hiểm xã hội huyện T**, tỉnh Tây Ninh từ tháng 10/2022 đến tháng 10/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 5.000.000 đồng/tháng, số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty **TNHH S** phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ xét xử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thu